

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-3-2021.

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đới Văn Học.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Chung;  
Ông K' Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Ông K' Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D , tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2020/TLST- HNGĐ ngày 08-12-2020 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-3-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 16-3-2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T ; sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 7, xã H , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V ; sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 7, xã H , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

Bà T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai, Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông V tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện D , tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thảo V , sinh ngày 07-01-2017, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con

chung, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai, ông Nguyễn Văn V trình bày: Công nhận lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như trên là đúng.

Vợ chồng mâu thuẫn là do ông có ham chơi, nhậu nhẹt làm vợ con buồn, hiện nay ông vẫn còn thương yêu bà T, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 52, 56, 81, 82, 83, 84 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông V; Giao con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07-01-2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông V phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn V là bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay đã sống ly thân. Bà T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; ông V thừa nhận có mâu thuẫn nhưng vẫn còn yêu thương bà T nên không đồng ý ly hôn, Tòa án đã cho thời gian nhưng không tự khắc phục được mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T cương quyết xin ly

hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho bà T và ông V được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07-01-2017, hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn cả hai bên cùng có nguyện vọng xin được nuôi con, nguyện vọng của bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vân là chính đáng vì cháu Vân hiện đang sống với bà T lại là con gái cần được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn. Xét quyền lợi mọi mặt của con, khả năng nuôi dưỡng con của các bên và để ổn định cuộc sống cho con. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Giao con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07-01-2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3-2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; tài sản cho vay chung và nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

2) Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07-01-2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng;

Ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3-2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3) Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001828 ngày 08-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D .(bà T đã nộp đủ án phí).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D ;
- Các đương sự (để thi hành)
- Chi cục THADS D ;
- UBND xã Hòa Nam;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đới Văn Học**

